

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hữu Lũng
đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hữu Lũng đến năm 2040, tầm nhìn 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 579/BC-SXD ngày 28/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hữu Lũng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô, thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính của huyện Hữu Lũng, với tổng diện tích tự nhiên là 80.763,12 ha, phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Văn Quan và huyện Bắc Sơn;
- Phía Tây giáp tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Nam giáp tỉnh Bắc Giang;
- Phía Đông giáp huyện Chi Lăng.

1.2. Quy mô, thời hạn lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 80.763,12 ha.
- Quy mô dân số: 124.541 người.
- Quy mô dự báo dân số:
 - + Đến năm 2030: dân số trong khu vực đạt khoảng 160.000 người.
 - + Đến năm 2040: dân số trong khu vực đạt khoảng 250.000 người.
- Thời hạn lập quy hoạch:
 - + Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.
 - + Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.
 - + Tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

2. Mục tiêu, tính chất chức năng quy hoạch

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Lạng Sơn, phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của huyện, các tiềm năng về công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hóa, sinh thái và cảnh quan để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của huyện.

- Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị - nông thôn vùng huyện, xác định tính chất quy mô của hệ thống đô thị, lập kế hoạch cải tạo nâng cấp, xây mới, phân loại đô thị... trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Hữu Lũng thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đề xuất phân bố không gian phát triển vùng chức năng, hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch khu chức năng tạo tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

2.2. Tính chất:

- Là đô thị cửa ngõ phía Nam của tỉnh Lạng Sơn, trung tâm kinh tế tổng

hợp công nghiệp – đô thị - dịch vụ kết nối chặt chẽ với các địa phương tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên trên trục động lực kinh tế Hữu Lũng – Chi Lăng – thành phố Lạng Sơn; có trình độ phát triển và khả năng cạnh tranh cao, khu vực phát triển năng động và hội nhập sâu rộng.

- Là trung tâm kinh tế, hành chính, văn hóa, giáo dục - đào tạo, dịch vụ có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Kinh tế - xã hội:

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2025: ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: 20 %; ngành công nghiệp - xây dựng: 30,5%; ngành dịch vụ: 49,5%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2030: ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: 15 %; ngành công nghiệp - xây dựng: 34,5%; ngành dịch vụ: 50,5%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2040: ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: 10 %; ngành công nghiệp - xây dựng: 39%; ngành dịch vụ: 51%.

3.2. Dự báo phát triển dân số:

- Đến năm 2030: dân số trong khu vực sẽ đạt khoảng: 160.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 75.000 người. Tỷ lệ tăng dân số 3,55%/năm.

- Đến năm 2040: dân số trong khu vực sẽ đạt khoảng: 250.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 125.000 người. Tỷ lệ tăng dân số 4,56%/năm.

3.3. Dự báo quy hoạch sử dụng đất:

- Đến năm 2030: dự báo đất xây dựng đô thị khoảng: 1.400ha – 1.500ha bình quân 200m²/người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 2.300 - 2.600 ha, bình quân đạt khoảng 230m²/người.

- Đến năm 2040: dự báo đất xây dựng đô thị khoảng: 1.700ha – 2.000ha bình quân 170m²/người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 2.600 – 3.000ha, bình quân đạt khoảng 200m²/người.

3.4. Tỷ lệ đô thị hóa:

- Tỷ lệ đô thị hóa hiện trạng năm 2023 khoảng 8,38%.

- Đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 47%.

- Đến năm 2040: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50%.

3.5. Lao động:

- Lực lượng lao động hiện trạng chiếm 62,5% tổng dân số.

- Dự báo lao động đến năm 2030 khoảng: 63% - 65% tổng dân số.

- Dự báo lao động đến năm 2040 khoảng: 65% - 67% tổng dân số.

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD, ban hành kèm theo Thông tư số

01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

4. Định hướng phát triển không gian vùng:

4.1. Định hướng cấu trúc:

Trên cơ sở 02 khu vực trung tâm và 3 trục hành lang phát triển có tính chất lan tỏa hỗ trợ cho các vùng chức năng khác. Không gian toàn huyện Hữu Lũng sẽ phát triển theo cấu trúc sau:

a) Khu vực trung tâm:

- Thị trấn Hữu Lũng: là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Tây Nam tỉnh Lạng Sơn.

- Khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ Hữu Lũng: là khu vực có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ. Chức năng chủ yếu gồm: khu công nghiệp; khu nghiên cứu đào tạo; khu đô thị mới, tái định cư và khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang đáp ứng đạt các chỉ tiêu là đô thị loại IV.

b) Trục hành lang phát triển:

- Xác định các trục phát triển dựa trên yếu tố địa hình đồng thời liên kết bằng các hệ thống giao thông chính:

- Trục hành lang phía Đông Tây bám dọc tuyến đường QL1 phía Tây kết nối sang tỉnh Bắc Giang phía Đông đi thành phố Lạng Sơn. Trục đường đi qua trung tâm huyện lỵ thị trấn Hữu Lũng và các cụm công nghiệp hình thành mới trong tương lai. Trục thuận lợi phát triển thương mại - dịch vụ và dịch vụ hỗ trợ cho các cụm công nghiệp.

- Trục hành lang cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn giáp Khu công nghiệp - đô thị- dịch vụ Hữu Lũng trở thành động lực quan trọng về thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp và đô thị của địa phương. Trục thuận lợi phát triển thương mại - dịch vụ hỗ trợ cho khu công nghiệp.

- Trục hành lang phía Bắc Nam bám dọc tuyến đường ĐT 244, ĐT 242, ĐT 245B phía Bắc kết nối sang huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, phía Nam kết nối sang huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang đi qua trung tâm thị trấn Hữu Lũng, Khu công nghiệp - đô thị- dịch vụ Hữu Lũng. Phát triển thương mại dịch vụ đô thị kết hợp hệ thống quảng trường gắn với hoạt động vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng cho đô thị trở thành trục điểm nhấn cho đô thị trong tương lai.

4.2. Phân vùng kiểm soát phát triển:

Hình thành 03 vùng phát triển trên cơ sở dựa theo địa giới hành chính và tính chất, chức năng đặc trưng của từng khu vực, dựa trên khả năng đô thị hóa, ngưỡng phát triển đô thị và đặc trưng sản xuất từng khu vực.

- Phân vùng 1: Vùng phát triển du lịch – nông nghiệp phía Bắc dự kiến thuộc địa phận các xã: Hữu Liên, Yên Bình, Quyết Thắng, Hòa Bình, Yên Thịnh,

Yên Vượng, Yên Sơn có quy mô diện tích khoảng 32.280 ha.

- Phân vùng 2: Vùng phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng phía Tây dự kiến thuộc địa phận các xã: Thiện Tân, Thanh Sơn, Đồng Tiến, Minh Tiến, Vân Nham, Nhật Tiến có quy mô diện tích khoảng 17.427 ha.

- Phân vùng 3: Vùng phát triển công nghiệp – đô thị - dịch vụ phía Nam dự kiến thuộc địa phận các xã: Cai Kinh, Tân Thành, Hồ Sơn, Đồng Tân, Hoà Lạc, Hoà Sơn, Hoà Thắng, Minh Hoà, Minh Sơn và thị trấn Hữu Lũng diện tích khoảng 23.726 ha.

4.3. Định hướng phát triển đô thị:

a) Định hướng phát triển đô thị theo các giai đoạn:

- Giai đoạn 2021 – 2025: huyện có 01 đô thị loại V; trong đó đô thị hiện hữu – thị trấn Hữu Lũng là đô thị loại V (Mở rộng ranh giới theo phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Hữu Lũng).

- Giai đoạn 2026 - 2030: huyện phấn đấu đạt tiêu chí cơ bản đô thị loại IV làm cơ sở thành lập thị xã Hữu Lũng khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật ban hành.

- Giai đoạn 2040: huyện hoàn thiện đủ tiêu chí đô thị loại IV và tiêu chí thành lập thị xã.

b) Định hướng phát triển đô thị Hữu Lũng

• Giai đoạn 2021 -2025:

- Phân loại đô thị: là đô thị loại V

- Phạm vi ranh giới: bao gồm toàn bộ thị trấn Hữu Lũng và mở rộng về hướng Đông và Đông Nam, sát nhập toàn bộ diện tích xã Sơn Hà và khu vực phát triển đô thị gồm một phần diện tích các xã Đồng Tân, Hồ Sơn và Minh Sơn.

- Quy mô:

+ Diện tích: 1.087ha (diện tích mở rộng bao gồm toàn bộ diện tích xã Sơn Hà). Diện tích: 1.536,0 ha (gồm thị trấn Hữu Lũng diện tích mở rộng bao gồm toàn bộ diện tích xã Sơn Hà và khu vực phát triển đô thị gồm một phần diện tích các xã Đồng Tân, Hồ Sơn và Minh Sơn).

+ Dân số: năm 2025 khoảng 25.000 người (đã bao gồm toàn bộ diện tích xã Sơn Hà).

- Tính chất: là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Tây Nam tỉnh Lạng Sơn.

• Giai đoạn 2026 -2030:

- Phân loại đô thị: phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV làm cơ sở thành lập thị xã Hữu Lũng trên cơ sở ranh giới hành chính huyện Hữu Lũng khi đáp ứng

đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Quy mô: trên cơ sở ranh giới hành chính toàn huyện.
- Dân số nội thị: năm 2030 khoảng 75.000 người (đã bao gồm toàn bộ dân số xã Sơn Hà và một phần diện tích các xã Đồng Tân, Hồ Sơn và Minh Sơn và các xã lân cận).
- Tính chất: là đô thị cửa ngõ phía Nam của tỉnh Lạng Sơn, trung tâm kinh tế tổng hợp công nghiệp – đô thị - dịch vụ kết nối chặt chẽ với các địa phương tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên trên trục động lực kinh tế Hữu Lũng – Chi Lăng – thành phố Lạng Sơn; có trình độ phát triển và khả năng cạnh tranh cao, khu vực phát triển năng động và hội nhập sâu rộng.
- Giai đoạn 2030 – 2040:
 - Phân loại đô thị: là đô thị loại IV (Phân đầu hoàn thiện đủ tiêu chí đô thị loại IV và tiêu chí thành lập thị xã).
 - Quy mô: trên cơ sở ranh giới hành chính toàn huyện.
 - + Dân số nội thị: năm 2040: khoảng 125.000 người (đã bao gồm toàn bộ dân số xã Sơn Hà và một phần diện tích các xã Đồng Tân, Hồ Sơn và Minh Sơn, và các xã lân cận).
 - Tính chất: là đô thị cửa ngõ phía Nam của tỉnh Lạng Sơn, trung tâm kinh tế tổng hợp công nghiệp – đô thị - dịch vụ kết nối chặt chẽ với các địa phương tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên trên trục động lực kinh tế Hữu Lũng – Chi Lăng – thành phố Lạng Sơn; có trình độ phát triển và khả năng cạnh tranh cao, khu vực phát triển năng động và hội nhập sâu rộng.

(Ranh giới, quy mô đô thị sẽ được chính xác hóa trong đồ án quy hoạch đô thị chung đô thị trên cơ sở địa giới hành chính các xã, các dự án tuyến giao thông chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai trên thực tế).

4.4. Định hướng phát triển dân cư nông thôn:

- Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Đẩy mạnh việc duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.
- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng nông thôn các xã theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao theo các giai đoạn, cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt. Không gian nông thôn phù hợp với định hướng chung của các tiểu vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan truyền thống, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.
- Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông

nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng sản xuất gắn với cải tạo chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn hiện hữu.

- Khu làng xóm hiện hữu: kiểm soát phát triển giữ không gian cảnh quan làng xóm truyền thống; bảo vệ được không gian nông nghiệp xung quanh, giữ mối quan hệ hữu cơ giữa làng và đồng ruộng trong sản xuất nông nghiệp; các làng có tiềm năng về cảnh quan, có giá trị làng nghề truyền thống tổ chức khai thác các loại hình du lịch xanh, du lịch trải nghiệm và gắn kết được với các tuyến điểm du lịch.

- Khu dân cư nông thôn phát triển mới: phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ, có quy mô phù hợp với nhu cầu phát triển đất ở của dân cư nông thôn. Khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẽ, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư. Phát triển các khu vực dân cư có điều kiện gắn với quá trình đô thị hóa cao, tạo tiền đề hình thành các khu vực đô thị.

4.5. Định hướng các khu vực bảo vệ, hạn chế phát triển:

- Các khu vực hành lang thoát lũ sông, suối; hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo dự án riêng.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật Bảo tồn di sản.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng, việc xây dựng tại khu vực này và các khu vực phụ cận được thỏa thuận với cơ quan có liên quan thống nhất theo quy định.

5. Định hướng quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội:

5.1. Hệ thống trụ sở hành chính:

Hệ thống trụ sở làm việc các cơ quan hành chính nâng cấp, điều chỉnh vị trí đáp ứng tiêu chí đô thị loại V, phấn đấu lên đô thị loại IV. Việc quy hoạch cụ thể thực hiện theo các đồ án quy hoạch xây dựng tại từng đô thị.

5.2. Hệ thống giáo dục:

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, giáo viên và học sinh gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Phát triển quy mô, xây mới cải tạo nâng cấp mạng lưới trường lớp. Đến năm 2030 toàn huyện có 84 trường (34 trường Mầm non, 15 trường tiểu học, 14 trường TH&THCS, 13 trường THCS, 03 trường PTDTNT THCS&THPT, 04 trường THPT và 01 Trung tâm GDTX của tỉnh), trong đó:

- + Cấp học trung học Phổ thông: xây mới 02 trường THPT.
- + Cấp học Mầm non: thành lập mới 05 trường (04 trường trên địa bàn các xã Sơn Hà (Hiện nay đã sát nhập vào thị trấn Hữu Lũng từ ngày 1/12/2024), Hòa Thắng và Thị trấn (trong đó có 02 trường Mầm non Tư thục).
- + Cấp học Tiểu học và THCS: sáp nhập 16 trường Tiểu học và THCS thành 8 trường TH&THCS. Nâng số trường TH&THCS lên 14 trường.
- Mở rộng trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc thuộc xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng.

5.3. Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe:

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, phát huy hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, phát triển y học cổ truyền, y tế ngoài công lập. Giai đoạn 2021-2025, đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trạm y tế xã Yên Thịnh (thôn Gò Mãm), Hồ Sơn, Đồng Tiến (thôn Lân Luông). Giai đoạn 2026-2030, đầu tư xây dựng mới trung tâm y tế huyện Hữu Lũng tại thôn Kim Chòi, xã Đồng Tân; nâng cấp bệnh viện đa khoa trung tâm huyện Hữu Lũng; tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các trạm y tế xã trên địa bàn, bao gồm trạm y tế xã Hòa Bình, trạm y tế Minh Hòa, mở rộng trạm y tế xã Yên Sơn. Kêu gọi xây dựng mới tối thiểu 01 bệnh viện (sử dụng vốn ngoài đầu tư công), đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và giảm tải cho trung tâm Y tế huyện.

5.4. Hệ thống văn hóa – thể thao:

- Thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện: giai đoạn 2021-2025, xây mới Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Hữu Lũng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

- Thiết chế văn hóa, thể thao xã, thị trấn:

- + Giai đoạn 2021-2025, xây mới 07 Nhà Văn hóa (Trung tâm Văn hóa - Thể thao) xã cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới; xây mới sân tập thể thao xã Thanh Sơn đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho nhân dân; đầu tư cơ sở vật chất và bố trí cho Thư viện xã tích hợp hoạt động chung với Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

- + Giai đoạn 2026-2030, xây dựng mới 08 Nhà Văn hóa (Trung tâm Văn hóa – Thể thao) xã cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng cấp, cải tạo 16 Nhà Văn hóa (Trung tâm Văn hóa – Thể thao) xã cho các xã đã về đích nông thôn mới giai đoạn 2011-2025; nâng cấp, cải tạo 24 sân tập thể thao cấp xã đảm bảo diện tích, tiêu chuẩn theo quy định. Phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất cho thư viện xã.

- + Xây dựng Nhà tưởng niệm liệt sỹ huyện Hữu Lũng với quy mô diện tích khoảng 0,06 ha tại thôn Rừng Dong, xã Đồng Tân trong giai đoạn 2026-2030. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Thiết chế văn hóa, thể thao thôn, khu phố:

+ Giai đoạn 2021-2025: xây mới 25 Nhà văn hóa thôn và nâng cấp, cải tạo 25 Nhà Văn hóa thôn (bao gồm cả mua trang thiết bị) thuộc thôn đặc biệt khó khăn, thôn thuộc xã khu vực I, khu vực II, khu vực III. Tiếp tục huy động các nguồn lực khác để đầu tư trang thiết bị cơ bản cho các Nhà văn hóa thôn khác (gồm thiết bị âm thanh, loa đài, tivi, trang trí khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, dụng cụ thể thao truyền thống) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho nhân dân. Bên cạnh đó, phấn đấu đến hết 2025 có 60% nhà văn hóa thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Giai đoạn 2026-2030: xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua trang thiết bị trong số 195 Nhà văn hóa thôn đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

- Thiết chế văn hóa, thể thao do các cơ quan, đơn vị và lực lượng vũ trang quản lý: Tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng hệ thống thư viện trường học, trong đó tập trung bố trí cơ sở vật chất cho thư viện trường học chưa có phòng đọc; bổ sung các trang thiết bị và đầu sách cho các thư viện còn thiếu. Tăng cường tích hợp, bố trí không gian và tổ chức các hoạt động dành cho thanh thiếu nhi, người cao tuổi với hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thể thao huyện và Nhà Văn hóa xã; thôn, khu phố. Đẩy mạnh khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao do cơ quan, đơn vị ngoài ngành văn hóa quản lý.

- Cải tạo, nâng cấp sân vận động, sân thể thao các xã, thôn trên địa bàn.

5.5. Hệ thống dịch vụ thương mại, chợ:

- Quy hoạch cụm các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trung tâm đô thị, dọc các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường,... để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại.

- Nâng cấp hệ thống chợ trung tâm xã hiện nay. Xây dựng các chợ truyền thống và trung tâm thương mại khu vực tại khu đô thị phát triển mới với đảm bảo nhu cầu thiết yếu hàng ngày của dân cư huyện.

- Hệ thống các công trình thương mại, chợ cấp huyện, cấp đô thị và xã nông thôn được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

- Đề xuất xây mới chợ nông sản khu vực thuận tiện kết nối giao thông, đáp ứng nhu cầu giao thương phát triển mũi nhọn kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Định hướng phát triển giao thông:

- Xây dựng hoàn thiện mạng lưới đường giao thông quốc gia qua địa bàn huyện Hữu Lũng theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021.

- Khai thác tuyến Cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn (CT.01) đi qua huyện, có chiều dài khoảng 24km, với có 02 nút giao. Đến năm 2030 xây dựng quy mô 06 làn xe; tuyến Quốc lộ 1: tuyến đi qua địa bàn huyện dài khoảng 27km hiện trạng nền đường 10,5-25m; mặt đường 12-30m.

- Nâng cấp, cải tạo các đường tỉnh ĐT.242, ĐT.243, ĐT.244 và ĐT.245 trên địa bàn huyện Hữu Lũng đảm bảo các tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III-IV-V.

- Mở mới 05 tuyến đường tỉnh: ĐT.245B và ĐT.245C kết nối KCN Hữu Lũng đến tỉnh Bắc Giang, ĐT.233D kết nối với huyện Văn Quan, QH.14 và QH.16 kết nối huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chuẩn cấp III-IV-V.

- Nâng cấp, cải tạo các đường huyện trên địa bàn huyện đảm bảo các tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III-IV-V. Điều chỉnh tuyến ĐH.96. Xây dựng mới tuyến ĐH.92A khu vực xã Quyết Thắng. Kéo dài tuyến ĐH.92 từ xã Quyết Thắng – Hoà Bình – Yên Thịnh.

- Mở mới 07 tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp III-IV-V.

+ Đường huyện ĐH.90A nằm tại xã Vân Nham, kết nối từ đường huyện ĐH.90 với ĐH.58A của huyện Yên Thế;

+ Đường huyện ĐH.90B nằm tại xã Vân Nham, kết nối từ đường huyện ĐH.90 với ĐH.58B của huyện Yên Thế;

+ Đường huyện ĐH.90C nằm tại xã Minh Sơn, kết nối từ đường huyện ĐH.90 với đường QL.1;

+ Đường huyện ĐH.96A kết nối từ đường huyện ĐH.96 tại địa bàn xã Hồ Sơn, kết nối với đường QL.1 tại xã Cai Kinh;

+ Đường huyện ĐH.95A kết nối từ đường huyện ĐH.95 tại địa bàn xã Minh Hòa, kết nối với đường ĐT.299B của huyện Lạng Giang;

+ Đường huyện ĐH.QH1 kết nối từ đường huyện ĐT.245C tại địa bàn xã Hòa Sơn, kết nối huyện Lục Ngạn;

+ Đường huyện ĐH.QH2 kết nối từ đường huyện ĐT.245 tại địa bàn xã Hòa Thắng, kết nối với đường ĐT.299B của huyện Lạng Giang.

- Hệ thống giao thông đô thị nâng cấp đảm bảo đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, mở mới các tuyến đường trục chính đảm bảo theo quy hoạch chung thị trấn được phê duyệt.

- Bến bãi đỗ xe:

+ Duy trì khai thác bến xe Hữu Lũng hiện tại.

+ Bãi xe tải: quy hoạch các bãi xe tải, quy mô mỗi bến 1-2ha tại vị trí các khu công nghiệp, khu cảng quy mô lớn.

+ Bãi đỗ xe đô thị: xây dựng mới bãi đỗ xe tại các đô thị thị trấn Hữu Lũng, khu du lịch, di tích. Diện tích đỗ xe đô thị đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Cầu vượt sông: xây dựng mới các cầu vượt sông, kênh, quy mô theo cấp hạng đường quy hoạch.

- Quy hoạch vận tải hành khách công cộng

- + Vận tải hành khách công cộng đường thủy: quy hoạch các bến hành khách phục vụ du lịch đang khai thác tại bến thị trấn Hữu Lũng.

- + Vận tải hành khách công cộng đường bộ: duy trì tuyến vận tải hành khách liên tỉnh trên tuyến QL.1 và CT.01.

- Giao thông đường sắt: đầu tư nâng cấp mở rộng ga Phố Vị, xã Hòa Thắng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá đi/đến Khu công nghiệp VSIP Hữu Lũng và nhu cầu hành khách của khu vực đô thị Hữu Lũng. Duy trì hoạt động đảm bảo an toàn chạy tàu tại 2 ga Voi Xô và Bắc Lệ.

6.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

a) Định hướng công trình thủy lợi và phòng chống lũ:

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp đồng thời kết hợp phục vụ xây dựng khu vực phòng thủ...; đảm bảo tính đồng bộ, kế thừa, ổn định, đáp ứng phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đầu tư nâng cấp, cải tạo kiên cố hoá 100% kênh mương thủy lợi, hồ chứa nhỏ và vừa đảm bảo đáp ứng tưới tiêu cho 100% diện tích đất nông nghiệp.

- Tập trung kiên cố hóa các công trình thủy lợi đầu mối, nâng cao trình các đập dâng để tăng dung tích chứa nước và cứng hóa các kênh mương dẫn.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, úng ngập, hạn hán và thích ứng với biến đổi khí hậu. Di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

b) Định hướng cao độ nền:

- Cao độ nền lựa chọn cho từng đô thị, điểm dân cư nông thôn phải tuân thủ Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021, đảm bảo không bị ngập úng, ngập lũ, thuận tiện cho giao thông và thoát nước mưa dễ dàng. Cụ thể sau:

- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Hữu Lũng: $H_{xdmin} \geq 19,0m$.

- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại chuỗi đô thị công nghiệp: $H_{xdmin} \geq 20,0m$.

- + Các điểm dân cư nông thôn: cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư

- Xác định cao độ san nền cho từng khu vực khác nhau phù hợp theo địa hình. Đào san nền các khu vực cao, đắp các khu vực trũng thấp để thu hẹp khoảng chênh lệch cao độ.

- Nền của khu vực xây dựng được thiết kế phù hợp với quy hoạch cao độ thiết kế của từng khu vực theo địa hình.

- Các vị trí chênh cao giữa công trình với công trình, giữa công trình với đường giao thông sẽ được xử lý bằng tường chắn, kè cứng hoặc taluy đất, đảm bảo ổn định nền, chống sạt lở khi xây dựng.

- Lựa chọn cao độ nền đảm bảo giao thông thuận tiện, độ dốc tối đa của đường <math><10\%</math>.

- Đối với mặt bằng cần thiết cho từng khu vực sẽ được tính toán cho từng dự án, không san lấp với diện tích lớn, không kinh tế.

- Các khu vực quy hoạch cây xanh, công viên thì giữ nguyên địa hình tự nhiên.

c) Định hướng thoát nước mưa:

- Hệ thống: các khu vực dân cư mà đang dùng hệ thống cống thoát nước chung, trong tương lai cần cải tạo thành hệ thống thoát nước nửa riêng hoặc riêng hoàn toàn. Các khu vực xây dựng mới thì xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải.

- Mật độ cống: theo quy định cho đô thị loại 4, 5 đạt $\geq 60\%$ đường có hệ thống thoát nước mưa.

- Hướng thoát: nước mặt được thu gom và thoát về các trục tiêu hử, suối gần nhất, sau đó dẫn thoát trực tiếp ra sông Thương, sông Trung và các kênh suối.

- Lưu vực: toàn huyện được chia phân tán theo từng lưu vực nhỏ, mỗi lưu vực ứng với trục tiêu chính gần nhất, đảm bảo nước mặt được tiêu thoát một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

- Thị trấn, đô thị mới: sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt nước thải, hướng thoát về kênh sông suối.

- Khu, cụm công nghiệp tập trung: sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt nước thải, thoát ra các kênh tiêu quanh khu công nghiệp.

- Các khu vực dân cư nông thôn xen kẹt và xây dựng mới: sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng kết hợp thoát nước mưa riêng, hướng thoát về các suối, sông chính gần nhất.

6.3. Định hướng cấp nước:

- Tổng nhu cầu toàn huyện dự kiến đến năm 2030 khoảng 55.000m³/ngđ; đến 2040 khoảng 120.000m³/ngđ.

- Nhà máy nước Hữu Lũng (hiện có): cải tạo nâng công suất giai đoạn 2030 lên 10.000 m³/ngđ; giai đoạn 2040 lên 20.000 m³/ngđ.

- Nhà máy nước Vân Nham (hiện có): Cải tạo nâng công suất giai đoạn 2030 lên 2.000 m³/ngđ; giai đoạn 2040 lên 4.000 m³/ngđ.

- Nhà máy nước Lawaco công suất 29.600 m³/ngđ. (giai đoạn 1: 14.800 m³/ngđ)

- Nhà máy nước phục vụ cho chuỗi công nghiệp - đô thị phía Đông Nam huyện (dự kiến 02 nhà máy sử dụng nguồn nước chính sông Thương, nguồn nước dự phòng hồ Cẩm Sơn và nguồn nước dưới đất): công suất giai đoạn 2030: 40.000 m³/ngđ; giai đoạn 2040 nâng công suất lên 90.000 m³/ngđ.

- Nhà máy nước Hữu Liên phục vụ cho sinh hoạt và du lịch: công suất giai đoạn 2030: 2.000 m³/ngđ; giai đoạn 2040 lên 4.000 m³/ngđ.

- Tiếp tục duy trì, cải tạo các công trình cấp nước tự chảy tập trung trên cơ sở khai thác các khe, mỏ nước. Cấp nước từ ao, hồ, sông suối, công trình thủy lợi: Đối với các khu vực có ao, hồ, sông suối, công trình thủy lợi.

- Cấp nước bằng giếng đào, khoan: đối với khu vực có nước ngầm.

- Nghiên cứu xây dựng các vị trí công trình hồ nước, đảm bảo khả năng giữ nước. Trong khi xây dựng cần có khảo sát thiết kế, đánh giá địa chất đầy đủ, giảm thiểu rủi ro bị thấm thấu, vỡ hồ nước dẫn đến sự cố nghiêm trọng.

- Cấp nước bằng máng lán, khe nước: đây là hình thức tự phát người dân tự lấy nước từ các khe, mỏ tự nhiên có lưu lượng rất nhỏ dẫn về nhà bằng các máng lán và ống tío.

- Cấp nước từ lu, bể chứa nước mưa: đối với những khu vực không có nguồn nước vào mùa mưa xây dựng mỗi hộ 01 bể hứng nước mưa để sử dụng vào mùa khô.

- Quy mô công suất, vị trí của các nhà máy nước được tính toán, xác định cụ thể trong các quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng ở các bước tiếp theo.

- Cấp nước phòng cháy: tuân thủ theo Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy Chữa cháy năm 2013. Trong từng các công trình cao tầng phải có thiết bị báo cháy và chữa cháy tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy của Bộ Công an.

6.4. Định hướng cung cấp năng lượng vùng:

- Nhu cầu phụ tải: giai đoạn đến năm 2030: 126,2MW; giai đoạn dài hạn đến năm 2040: 584,14MW.

- Huyện Hữu Lũng được lấy từ hệ thống lưới điện Quốc gia thông qua trạm 110/35/22 kV Hữu Lũng (E13-1) 2x40MVA. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các nguồn phát điện khác:

+ Nhà máy thủy điện Cẩm Sơn công suất 3x1,5MW phát vào lưới điện tỉnh Lạng Sơn qua đường dây trung áp 35kV NMTĐ Cẩm Sơn - Đồng Mỏ với sản lượng năm trung bình là 7.540MWh.

+ Dự án điện mặt trời mái nhà tại thôn Rừng Dong, Xã Đồng Tân, công suất 119,6 kWp.

- Đến năm 2025: xây dựng mới TBA 110kV Hữu Lũng 2 công suất 63 MVA để phục vụ cho nhu cầu khu công nghiệp Hữu Lũng.

- Đến năm 2030: TBA 110kV Hữu Lũng 2 nâng công suất lên 3x63MVA (tiến độ lắp máy phù hợp với quy mô và tiến độ hệ thống điện khu vực); Nghiên cứu bổ sung năng lượng điện gió trên địa bàn huyện Hữu Lũng với tổng công suất 100 MW.

- Đến năm 2035: TBA 110kV Hữu Lũng nâng công suất lên 40+63MVA. Xây dựng mới TBA 110kV Hữu Liên 63 MVA.

- Giai đoạn sau 2040 dự kiến xây dựng TBA 220kV Hữu Lũng 250MVA; TBA 110kV Hữu Lũng nâng công suất lên 2x63MVA; XDM TBA Hữu Lũng 3 63MVA.

- Lưới điện:

+ Trong giai đoạn 2026-2030 theo quy hoạch điện VIII sẽ xuất hiện đường dây 500kV Hải Hà - Yên Thế -Thái Nguyên là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng trạm gom 500 kV Lạng Sơn dự kiến lắp đặt với quy mô công suất 1.800 MVA, đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 500 kV NĐ Hải Hà – Yên Thế bằng đường dây 500 kV 04 mạch dài khoảng 15 km. (cụ thể hướng tuyến qua Hữu Lũng sẽ xác định trong giai đoạn sau) .

+ XDM TBA 220kV Hữu Lũng quy mô giai đoạn 2046 – 2050 là 250MVA, đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch Đz 220kV Bắc Giang (tỉnh Bắc Giang) – Đồng Mỏ, tăng cường cấp điện cho khu đô thị, thương mại dịch vụ, công nghiệp Hữu Lũng

+ Nhánh rẽ trạm 110 kV Hữu Lũng 2 đầu nối chuyển tiếp trên Đz 110 kV

+ TBA 220 kV Đồng Mỏ – Bắc Giang bằng Đz 110 kV mạch kép, chiều dài 1.5km, dây dẫn AC-300

- Trong giai đoạn này lưới điện trung thế huyện Hữu Lũng sẽ vận hành với cấp điện 35kV. Cụ thể TBA 110kV Hữu Lũng là 10 lộ tuyến; TBA 110kV Hữu Lũng 2 là 05 lộ tuyến.

- Cải tạo các tuyến trung thế hiện có phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, công cộng; Giai đoạn 2040 xây dựng bổ xung thêm 03 tuyến trung thế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, công cộng.

- Đối với khu vực đô thị, công cộng, khu ổn định về quy hoạch, hệ thống lưới trung thế sử dụng cáp ngầm với đặc tính chống thấm dọc, tiết diện dây dẫn XLPE-240 đi trong các tuynel hoặc hòa kỹ thuật. Khi xây dựng đồng bộ hóa với hạ tầng khu vực, tránh đầu tư nhiều lần, gây lãng phí và mất mỹ quan đô thị. Kết cấu lưới trung thế khu vực tuân thủ nguyên tắc xây dựng mạch vòng kín vận hành hở và có liên kết, hỗ trợ nhau. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 70% công suất, để đảm bảo dự phòng vận hành.

6.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải khu vực đô thị và công nghiệp đến năm 2030 là 45.000m³/ngày; 2040 là 100.000m³/ngày.

- Khu vực xây dựng mới, cải tạo mới: xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Khu vực dân cư hiện trạng cải tạo: bổ sung tuyến cống bao trên các trục đường chính, tách nước thải từ các mương, rãnh thoát nước đưa về hệ thống thu gom tập trung.

- Bố trí trạm xử lý nước thải Hữu Lũng và trạm xử lý nước thải cho chuỗi công nghiệp – đô thị phía Đông Nam huyện.

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung dự kiến áp dụng công nghệ xử lý nước thải sinh học nhân tạo qua bể aeroten. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn B theo QCVN14:2008/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải công nghiệp sau xử lý đạt chuẩn B theo QCVN 40/2011/BTNMT, quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Bố trí hồ chứa nước sau xử lý. Hồ chứa có tác dụng kiểm soát chất lượng nước sau xử lý, dự phòng trường hợp trạm xử lý nước thải xảy ra sự cố. Nước trong hồ sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch cho khu vực thiết kế. Không xả nước thải sau xử lý trực tiếp ra sông và đầm.

- Thu gom và xử lý nước thải y tế: Nước thải y tế phải được xử lý đạt loại A theo QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cố định cỡ nhỏ cho mỗi đô thị và các trung tâm xã. Quy mô 500-1000m²/trạm. Công suất <100 Tấn/ngày, bán kính phục vụ 10km. Chất thải rắn được lưu giữ không quá 1 ngày sau đó vận chuyển về khu xử lý theo quy định của Tỉnh.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn huyện Hữu Lũng tại xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng diện tích 10ha.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn khu công nghiệp huyện Hữu Lũng có diện tích 25-30ha để đáp ứng đủ nhu cầu xử lý CTR cho khu công nghiệp.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn Tân Thành (Đường nối ra cảng Mỹ An) tại xã Tân Thành huyện Hữu Lũng

b) Quản lý nghĩa trang:

- Các khu nghĩa trang đô thị và nông thôn: thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức rà soát lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu nghĩa trang để thuận lợi cho quản lý, khai thác và tạo cảnh quan môi trường. Sau khi lấp đầy, khoanh vùng, cải tạo thành công viên nghĩa trang. Các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh

môi trường tiến hành đóng cửa trồng cây, sử dụng các biện pháp cải thiện môi trường và có lộ trình di dời khi thay đổi kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng nghĩa trang huyện Hữu Lũng tại xã Hòa Sơn là nghĩa trang tập trung huyện Hữu Lũng, diện tích khoảng 10ha.

- Khuyến khích hình thức hỏa táng theo chủ trương chung của tỉnh và Nhà nước. Tỷ lệ hỏa táng đối với các đô thị trên địa bàn tối thiểu đạt 5% và giai đoạn sau đạt tối thiểu 10%. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ người dân khi sử dụng hình thức hỏa táng. Mỗi đô thị lập dự án xây dựng 01 nhà tang lễ.

6.6. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động:

- Phát triển các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng kết hợp với các hình thức thanh toán cước viễn thông, cước Internet, điện thoại, điện, nước tự động..., điểm tra cứu thông tin công cộng, điểm truy nhập Internet không dây công cộng: phục vụ phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng thu phát sóng thông tin di động đạt 50%.

- Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 45 - 50% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động cột ăng ten loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính tại thị trấn Ngô Mây.

- Ngầm hóa hầu hết hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới.

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường khu vực đô thị đạt 55 - 60% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố đạt 25 - 30% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường thôn, xóm).

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp đạt trên 90%.

- Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại các khu vực, tuyến đường, phố trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

(Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này là căn cứ quản lý quy hoạch, triển khai các bước tiếp theo để cụ thể hóa đề án quy hoạch xây dựng vùng được duyệt theo quy định.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu và nội dung báo cáo thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này.

3. UBND huyện Hữu Lũng tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, gửi hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan liên quan để lưu trữ, quản lý và triển khai quy hoạch theo quy định; xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi và phù hợp nguồn lực đầu tư của địa phương theo quy định.

4. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, phối hợp với UBND huyện Hữu Lũng tổ chức quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Hữu Lũng và các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(HVT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh